**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN TRÀ ÔN**
**TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-02-2019
*"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Điều**

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Bà **Võ Ngọc Ba**

2/ Bà **Nguyễn Thị Mến**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa***.

Ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 470/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2018, về tranh chấp *"ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị Cẩm H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: Ấp NL, xã Tc, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

*2.Bị đơn*: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1979

Địa chỉ cư trú: Ấp NL, xã Tc, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 12/11/2018 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:

**Về quan hệ hôn nhân**: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm H và bị đơn anh Nguyễn Văn T thành hôn năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tc, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 07/01/2010. Thời gian chung sống được 14 năm, quá trình chung sống lúc đầu hành phúc, sau này phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng cự cải nhau.

Nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T.

**Về quan hệ con chung**: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn Trọng P, sinh ngày 05/4/2006 và Nguyễn Văn Trọng H, sinh ngày 18/12/2009 hiện đang sống với nguyên đơn, nguyên đơn xin tiếp tục nuôi hai con chung, nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

**Về tài sản và nợ:** Chị H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý vụ án và gửi các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho bị đơn biết đồng thời triệu tập các đương sự đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng phía anh T không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết về yêu cầu khởi kiện của chị H và không tham gia phiên họp tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải,nên Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa chị H, anh T, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập đương sự đến tham gia phiên toà nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm H làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T và yêu cầu nuôi con nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn, nuôi con" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[2].**Về nội dung**:

**Về quan hệ hôn nhân**: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm H và bị đơn anh Nguyễn Văn T thành hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tc, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét trong thời gian chung sống thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm sống, anh chị cự cải xung đột nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với anh T. Phía anh T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập các đương sự tham gia phiên họp, hòa giải và xét xử nhiều lần nhưng anh T không trình bày ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết về việc xin ly hôn của chị H và không đến Toà án giải quyết việc kiện với chị H. Điều này, chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

**Về con chung**: Anh, chị có 02 con chung Nguyễn Văn Trọng P, sinh ngày 05/4/2006 và Nguyễn Văn Trọng H, sinh ngày 18/12/2009 hiện đang sống với nguyên đơn, xét từ khi anh chị không chung sống với nhau con chung sống trực tiếp với chị H, việc nuôi con của chị H vẫn đảm bảo đủ điều kiện về sự phát triển của con chưa thành niên, mặt khác, nguyện vọng hai con chung xin được sống với chị H, nên tiếp tục giao hai con chung cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp các điều 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét là phù hợp Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

**Về tài sản chung, nợ chung**: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

**4/ Án phí dân sự sơ thẩm** : Do chị H thuộc trường hợp hộ nghèo, chị H có làm đơn xin miễn tiền án phí nên miễn nộp tiền án phí cho chị H là phù hợp điểm đ, Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ, Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm H. Xử cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn T.

2. **Về nuôi con**: Tiếp tục giao hai con chung Nguyễn Văn Trọng P, sinh ngày 05/4/2006 và Nguyễn Văn Trọng H, sinh ngày 18/12/2009 cho chị H nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. **Án phí dân sự sơ thẩm**: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, báo cho chị H biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Văn Điều**

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TO;
- UBND xã Tc (giấy chứng nhận kết hôn số 06 quyển 01 ngày 07/01/2010)
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.